

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2020

THÔNG BÁO XÁC NHẬN
(Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức công ty bằng tiền)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức/lợi tức bằng tiền/Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận lãi/gốc trái phiếu số C056/2020-DT4/VSD-ĐK ngày 16 tháng 3 năm 2020 do VSD lập cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán: Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Mã chứng khoán: DT4
Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng
Ngày đăng ký cuối cùng: 12/03/2020
Loại quyền: Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt
Tỷ lệ thanh toán: 8,5%/cổ phần (1 cổ phần được 850 đồng)
Ngày thanh toán: 31/07/2020

Công ty xác nhận:

- Tổng số lượng chứng khoán được tổng hợp để tính toán quyền trong Danh sách đúng bằng tổng số lượng chứng khoán công ty đã đăng ký tại VSD.
- Tổng số tiền tính toán để chi trả phù hợp với tỷ lệ chi trả đã công bố.

Công ty cam kết:

- Chuyển cho VSD số tiền thanh toán cổ tức sau thuế của người sở hữu chứng khoán lưu ký đầy đủ và đúng thời hạn quy định theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSD ban hành. Trường hợp chuyển không đúng thời hạn sẽ chịu trách nhiệm về các vấn đề phát sinh liên quan gây thiệt hại cho người sở hữu chứng khoán (nếu có)
- Chịu trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với các trường hợp phải nộp thuế theo quy định
- Chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ cổ tức/lợi tức/lãi, gốc trái phiếu cho người sở hữu chứng khoán chưa lưu ký.
- Thanh toán phí thực hiện quyền cho VSD theo đúng quy định.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH H.Đ.Đ. Q.T
Dương Hải Thanh

DANH SÁCH TỔNG HỢP NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN NHẬN CỔ TỨC BẰNG TIỀN

Kính gửi: Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo tới Công ty danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức bằng tiền như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Mã chứng khoán: DT4
Mệnh giá: 10.000 đồng

Ngày đăng ký cuối cùng: 12/03/2020
Tỷ lệ thanh toán: 8,5%/cổ phiếu
Ngày thanh toán: 31/07/2020

STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK nắm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
I. TRONG NƯỚC																				
a. Cá nhân																				
1	Bùi Thị Xuân Hương	125189695	26/09/2011	101 Phố Hàng Mã, Khu 5 P. Tiền An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		255.000	255.000		12.750	12.750		242.250	242.250	
2	Bùi Đình Biện	125039019	28/03/2008	Khu 3, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		100	100		85.000	85.000		4.250	4.250		80.750	80.750	
3	Chu Thị Thập	125224424	21/04/2003	SN 41 - Tổ 6 - Khu phố Nguyễn Trãi - TP Bắc Ninh			Viet Nam		2.000	2.000		1.700.000	1.700.000		85.000	85.000		1.615.000	1.615.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
4	Dương Hải Thanh	012899067	19/03/2012	Số 17 ngách 379/34 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội			Viet Nam		64.800	64.800		55.080.000	55.080.000		2.754.000	2.754.000		52.326.000	52.326.000	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
5	Dương Văn Mùi	122186794	07/07/2012	Quang Minh - Hiệp Hòa - Bắc Giang			Viet Nam		1.400	1.400		1.190.000	1.190.000		59.500	59.500		1.130.500	1.130.500	Loại 2 CLK :0 - LK:1400
6	Dương Đức Long	201495687	29/06/2010	CTCP Quản lý Bảo trì ĐTNĐ số 4 - đường Huyền Quang - P Đại Phúc - Bắ			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
7	Hoàng Mạnh Thắng	121470157	25/07/2015	Xã Cương Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		400	400		340.000	340.000		17.000	17.000		323.000	323.000	
8	Hoàng Thành Công	125301187	21/05/2013	Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		100	100		85.000	85.000		4.250	4.250		80.750	80.750	
9	Hoàng Thành Luân	125264581	25/04/2016	Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		700	700		595.000	595.000		29.750	29.750		565.250	565.250	
10	Hoàng Văn Diên	091044299	25/06/2003	Thôn Phượng Hoàng, Xã Cẩm Hoàng, Huyện Cẩm Giàng, Thái Nguyên			Viet Nam		2.000	2.000		1.700.000	1.700.000		85.000	85.000		1.615.000	1.615.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
11	Hà Quang Hùng	125291936	14/10/2004	42 Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
12	Hà Văn Tiến	131903752	04/04/2012	Vân Du - Đoàn Hùng - Phú Thọ			Viet Nam		2.400	2.400		1.785.000	1.785.000		89.250	89.250		1.695.750	1.695.750	
13	Lê Sỹ Dương	125298716	21/05/2013	Yên Đình, Xã Phù Lương, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
14	Lê Thị Yên	125609762	18/11/2010	Khu tập thể Đường Sông Phúc Sơn, P. Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.800	1.800		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
15	Lê Văn Nam	121232435	20/04/2012	SN 10 ngõ 509 đường Lê Lợi, TP Bắc Giang, Bắc Giang			Viet Nam		3.600	3.600		3.060.000	3.060.000		153.000	153.000		2.907.000	2.907.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
16	Lương Thị Quỳnh Văn	121588120	26/04/2013	Phố Gia Lâm, Thị Trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		300	300		255.000	255.000		12.750	12.750		242.250	242.250	
17	Mai Quý Dương	125518481	15/07/2009	Tập thể đoạn quản lý đường sông - Phúc Sơn - Vũ Ninh - Bắc Ninh			Viet Nam		2.100	2.100		1.785.000	1.785.000		89.250	89.250		1.695.750	1.695.750	
18	Mai Xuân Trường	125076760	21/10/2015	Đào Viên - Quế Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		510.000	510.000		25.500	25.500		484.500	484.500	
19	Nguyễn Anh Dũng	012172066	24/04/2010	Tổ 26, Phường Thượng Thanh, Quận Long, Biên, TP Hà Nội			Viet Nam		1.400	1.400		1.190.000	1.190.000		59.500	59.500		1.130.500	1.130.500	

STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK năm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
20	Nguyễn Bá Hiến	125023129	21/05/2013	Trạm QLĐT Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		900	900		765.000	765.000		38.250	38.250		726.750	726.750	
21	Nguyễn Công Doanh	125439720	20/08/2015	Khu tập thể đường sông, Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh			Viet Nam		3.700	3.700		3.145.000	3.145.000		157.250	157.250		2.987.750	2.987.750	Loại 2 CLK : 0 - LK:2000
22	Nguyễn Công Đồng	125211443	16/05/2013	Xã Nam Sơn, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		700	700		595.000	595.000		29.750	29.750		565.250	565.250	
23	Nguyễn Hữu Dương	111342429	26/01/2010	Trạm QLĐT Nội Địa, Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		1.400	1.400		1.190.000	1.190.000		59.500	59.500		1.130.500	1.130.500	
24	Nguyễn Khắc Việt	125401969	10/05/2010	Số nhà 10, Đường 35, Khu Kinh Bắc, Yên Mẫn, P. Kinh Bắc, Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		255.000	255.000		12.750	12.750		242.250	242.250	
25	Nguyễn Mạnh Cường	131349414	19/02/2008	Trạm QLĐT Nội Địa Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		1.700	1.700		1.445.000	1.445.000		72.250	72.250		1.372.750	1.372.750	
26	Nguyễn Mạnh Hùng	125250698	20/05/2013	Thôn Nhân Hữu - Xã Nhân Thắng - Huyện Cao Bình - Bắc Ninh			Viet Nam		700	700		595.000	595.000		29.750	29.750		565.250	565.250	
27	Nguyễn Ngọc Thế	121610586	09/03/2010	Số 88 Tổ 2 Phố Tiền Môn, Phường Lê Lợi, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		1.800	1.800		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
28	Nguyễn Ngọc Trung	125210336	24/02/2003	Số 610 đường Thiên Đức - Phường Kinh Bắc - TP Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		255.000	255.000		12.750	12.750		242.250	242.250	
29	Nguyễn Phi Trường	125008914	10/06/2010	CTCP Quản lý đường thủy nội địa số 4 - Đường Huyền Quang - P Đại			Viet Nam		35.700	35.700		30.345.000	30.345.000		1.517.250	1.517.250		28.827.750	28.827.750	Loại 2 CLK : 0 - LK:5000
30	Nguyễn Thanh Bình	113263285	03/03/2004	Trạm QLĐT Nội Địa Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		300	300		255.000	255.000		12.750	12.750		242.250	242.250	
31	Nguyễn Thanh Tùng	125166060	26/04/2012	Xã Môn Tư, Huyện Nam Sơn, TP Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		510.000	510.000		25.500	25.500		484.500	484.500	
32	Nguyễn Thành Long	162798296	09/05/2013	Nghĩa Sơn, Nghĩa Hưng, Nam Định			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
33	Nguyễn Thị Chi	125387626	29/04/2014	Thôn Cách Bi xã Cách Bi huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		255.000	255.000		12.750	12.750		242.250	242.250	
34	Nguyễn Thị Huế	125783989	10/09/2013	P1312 - CT2 - Chung Cư Cát Tường, P.Võ Cường, TP.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		900	900		765.000	765.000		38.250	38.250		726.750	726.750	
35	Nguyễn Thị Hà	121471311	12/04/2013	SN 4, Ngõ 60 Đường Tiền Giang, Phường Lê Lợi, TP Bắc Giang			Viet Nam		900	900		765.000	765.000		38.250	38.250		726.750	726.750	
36	Nguyễn Thị Hằng	125033067	26/10/2009	SN 66 Đường Âu Cơ YNa, Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		935.000	935.000		46.750	46.750		888.250	888.250	
37	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	125157294	05/04/2016	Phường Đình Bảng, Thị Xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.700	1.700		1.445.000	1.445.000		72.250	72.250		1.372.750	1.372.750	
38	Nguyễn Thị Lan Anh	125111196	18/09/2006	Xã Ngọc Nội, Phường Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		800	800		680.000	680.000		34.000	34.000		646.000	646.000	
39	Nguyễn Thị Mai Hương	091919552	22/07/2016	Trạm QLĐTND Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		800	800		680.000	680.000		34.000	34.000		646.000	646.000	
40	Nguyễn Thị Thúy	125197132	09/08/2002	Khu Tập thể Đường Sông, Khu Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh			Viet Nam		800	800		680.000	680.000		34.000	34.000		646.000	646.000	
41	Nguyễn Thủ	125220891	25/04/2012	Mai Ổ, Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		510.000	510.000		25.500	25.500		484.500	484.500	
42	Nguyễn Tiến Đạt	125261142	17/02/2004	Số 71 ngõ 26 Đường Huyền Quang, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.800	1.800		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
43	Nguyễn Tuấn Khải	121629969	13/09/2011	Số 111 - Phố Cá Trọng - TT Cầu Gò - Yên Thế - Bắc Giang			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
44	Nguyễn Tuấn Vũ	125345818	15/05/2007	Xã Việt Vân, Phường Việt Thống, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
45	Nguyễn Tá Pha	125013075	05/04/2012	Xã Trí Quả, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.600	1.600		1.360.000	1.360.000		68.000	68.000		1.292.000	1.292.000	
46	Nguyễn Từ Mạnh	162014080	03/05/2012	Thôn Sơn Nam, xã Nam Sơn, TP Bắc Ninh			Viet Nam		1.800	1.800		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
47	Nguyễn Việt Hoàng	125528689	25/08/2009	54 Nguyễn Văn Cừ, Ninh Xá, Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
48	Nguyễn Văn Chiến	125264219	26/02/2004	Xóm 6, Hữu Bằng, Ngọc Xá, Quế Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		700	700		595.000	595.000		29.750	29.750		565.250	565.250	
49	Nguyễn Văn Chương	125251194	02/06/2015	Thôn Việt Hưng, Xã Việt Thống, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		700	700		595.000	595.000		29.750	29.750		565.250	565.250	
50	Nguyễn Văn Công	125382033	22/11/2006	Khu I Thị Trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		2.800	2.800		2.380.000	2.380.000		119.000	119.000		2.261.000	2.261.000	
51	Nguyễn Văn Da	125649262	28/09/2011	TT Đường sông - TP Vũ Ninh - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		2.600	2.600		2.210.000	2.210.000		110.500	110.500		2.099.500	2.099.500	
52	Nguyễn Văn Hiên	125277664	30/05/2013	Tiêu Xá, Giang Sơn, Gia Bình, Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
53	Nguyễn Văn Hiên	125214591	18/02/2003	Xã Cách Bi Huyện Quế Võ Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.600	1.600		1.360.000	1.360.000		68.000	68.000		1.292.000	1.292.000	
54	Nguyễn Văn Hải	125102507	07/04/2016	Thị Trấn Phố Mới - Huyện Quế Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		3.800	3.800		3.230.000	3.230.000		161.500	161.500		3.068.500	3.068.500	Loại 2 CLK : 0 - LK:2000

83=C
HUNG
LƯU
HUNG I
VIET
TU LIEN

STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK năm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
55	Nguyễn Văn Khải	125685788	25/04/2012	Quê Ô, Xã Chi Lăng, Huyện Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		3.500	3.500		2.975.000	2.975.000		148.750	148.750		2.826.250	2.826.250	Loại 2 CLK :0 - LK:3500
56	Nguyễn Văn Lộc	132096225	27/06/2009	Khu 4 Xã Vĩnh Lai, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ			Viet Nam		1.800	1.800		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
57	Nguyễn Văn Ngọc	125347092	15/05/2013	Thôn Hữu Bằng, Xã Ngọc Xá, Huyện Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		400	400		340.000	340.000		17.000	17.000		323.000	323.000	
58	Nguyễn Văn Sơn	125685963	26/04/2012	Xã Kim Châu, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh			Viet Nam		1.500	1.500		1.275.000	1.275.000		63.750	63.750		1.211.250	1.211.250	
59	Nguyễn Văn Thuận	121335782	24/04/2012	Số 3 Á Lữ, Trần Phú, Bắc Giang			Viet Nam		1.500	1.500		1.275.000	1.275.000		63.750	63.750		1.211.250	1.211.250	
60	Nguyễn Văn Thông	125556691	11/03/2010	138 khi I Thị trấn Phố Mới - Quê Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		3.800	3.800		3.230.000	3.230.000		161.500	161.500		3.068.500	3.068.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
61	Nguyễn Văn Toàn	125625597	29/10/2013	Ngọc Xá - Quê Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		935.000	935.000		46.750	46.750		888.250	888.250	
62	Nguyễn Văn Tuyên	121421618	25/03/2013	Kỳ Sơn, Song Vân, Tân Yên, Bắc Giang			Viet Nam		900	900		765.000	765.000		38.250	38.250		726.750	726.750	
63	Nguyễn Văn Tài	125368722	16/08/2006	Số nhà 26. Ngõ Lừa Hồng, Phường Tiên An, TP Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	
64	Nguyễn Văn Tăng	125686319	03/05/2012	CTCP Quản lý Bảo trì ĐTNĐ số 4 - đường Huyền Quang - P Đại Phúc - Bắ			Viet Nam		43.900	43.900		37.315.000	37.315.000		1.865.750	1.865.750		35.449.250	35.449.250	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
65	Nguyễn Văn Vịnh	125005184	27/04/2012	Thôn Tiểu Xá, Xã Giang Sơn, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.200	1.200		1.020.000	1.020.000		51.000	51.000		969.000	969.000	
66	Nguyễn Văn Đoàn	125235062	23/05/2013	Xã Bồng Lai, Huyện Quê Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		935.000	935.000		46.750	46.750		888.250	888.250	
67	Nguyễn Xuân Bình	131067591	25/04/2012	Trạm QLĐT nội địa Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		1.400	1.400		1.190.000	1.190.000		59.500	59.500		1.130.500	1.130.500	
68	Nguyễn Xuân Công	125015657	29/04/2014	Thôn Cách Bi xã Cách Bi huyện Quê Võ tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		400	400		340.000	340.000		17.000	17.000		323.000	323.000	
69	Nguyễn Xuân Nam	125359696	10/05/2006	Thôn Phùng Di, Xã Ngọc Xá, Quê Võ , Bắc Ninh			Viet Nam		4.100	4.100		3.485.000	3.485.000		174.250	174.250		3.310.750	3.310.750	Loại 2 CLK :0 - LK:1600
70	Nguyễn Xuân Trường	121192688	15/07/2005	Số nhà 4 - Ngõ 60 - Đường Tiên Giang - Phường Lê Lợi - TP Bắc Giang			Viet Nam		3.800	3.800		3.230.000	3.230.000		161.500	161.500		3.068.500	3.068.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
71	Nguyễn Đình Cường	125231713	26/04/2012	Thôn Đông, Xã Đào Viên, Huyện Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		3.200	3.200		2.720.000	2.720.000		136.000	136.000		2.584.000	2.584.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
72	Nguyễn Đức Hùng	125520302	16/07/2009	Ngõ 52 Đường Nhánh 1, Phố Hồ, Thị Trấn Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh			Viet Nam		4.000	4.000		3.400.000	3.400.000		170.000	170.000		3.230.000	3.230.000	Loại 2 CLK :0 - LK:1800
73	Nguyễn Đức Thanh	125094080	29/06/2010	Đội 6 Thôn Quê Ô, Chi Lăng, Quê Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		935.000	935.000		46.750	46.750		888.250	888.250	
74	Nguyễn Đức Trung	125339522	13/12/2005	Mai Ô, Mộ Đạo, Huyện Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		400	400		340.000	340.000		17.000	17.000		323.000	323.000	
75	Nguyễn Đức Tuấn	125211453	15/05/2013	Xã Cách Bi huyện Quê Võ tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		510.000	510.000		25.500	25.500		484.500	484.500	
76	Ngô Minh Sơn	125299775	04/01/2005	Chi Đông, Tân Chí, Tiên Du, Bắc Ninh			Viet Nam		1.800	1.800		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
77	Ngô Văn Trọng	132376093	10/04/2014	Khu 3 Đan Phượng, Hạ Hòa, Phú Thọ			Viet Nam		1.800	1.800		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	
78	Ngô Xuân Quang	125480283	20/11/2008	SN 2, Ngõ 20 Đường Rạp Hát, P.Vệ An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		5.000	5.000		4.250.000	4.250.000		212.500	212.500		4.037.500	4.037.500	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
79	Phan Bích Dũng	125169703	08/08/2006	Xã Bồng Lai - Huyện Quê Võ - Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		510.000	510.000		25.500	25.500		484.500	484.500	
80	Phan Hoàng Hậu	080397111	18/03/2013	Vĩnh Quang, TP Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng			Viet Nam		1.700	1.700		1.445.000	1.445.000		72.250	72.250		1.372.750	1.372.750	
81	PHAN VĂN HIẾU	125126007	27/06/2012	Thôn Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quê Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		3.000	3.000		2.550.000	2.550.000		127.500	127.500		2.422.500	2.422.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
82	Phan Xuân Hùng	125214702	09/05/2013	Thôn Mai Cương, Xã Cách Bi, Huyện Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.500	1.500		1.275.000	1.275.000		63.750	63.750		1.211.250	1.211.250	
83	Phùng Thi Hoan	125031030	07/03/2008	Đào Viên, Quê Võ. Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		100	100		85.000	85.000		4.250	4.250		80.750	80.750	
84	Phạm Hồng Minh	125043047	04/06/2012	Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Bắc Ninh			Viet Nam		48.800	48.800		41.480.000	41.480.000		2.074.000	2.074.000		39.406.000	39.406.000	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
85	Phạm Thị Sen	125143204	30/03/2016	Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.800	1.800		1.530.000	1.530.000		76.500	76.500		1.453.500	1.453.500	Loại 2 CLK :0 - LK:1800

STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK năm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
86	Phạm Trung Thành	121216934	30/11/2012	Xã Mỹ Hà, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		1.400	1.400		1.190.000	1.190.000		59.500	59.500		1.130.500	1.130.500	
87	Phạm Văn Hanh	121375526	12/06/2010	Đường 85, phường Kinh Bắc - TP Bắc Ninh			Viet Nam		28.000	28.000		23.800.000	23.800.000		1.190.000	1.190.000		22.610.000	22.610.000	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
88	Phạm Văn Đán	125570529	11/05/2010	Xóm 1 Lai Hạ, Lương Tài, Bắc Ninh			Viet Nam		3.500	3.500		2.975.000	2.975.000		148.750	148.750		2.826.250	2.826.250	Loại 2 CLK :0 - LK:3500
89	Phạm Xuân Dũng	125089558	24/04/2012	Khu II, Thị trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		510.000	510.000		25.500	25.500		484.500	484.500	
90	Phạm Đức Khánh	125084105	27/03/2013	LH, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, TP Bắc Ninh			Viet Nam		2.000	2.000		1.700.000	1.700.000		85.000	85.000		1.615.000	1.615.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2090
91	Thân Văn Cón	122162484	20/04/2012	Xã Tăng Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		3.700	3.700		3.145.000	3.145.000		157.250	157.250		2.987.750	2.987.750	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
92	Thân Văn Nghĩa	125035146	26/04/2012	Hữu Bằng, Xã Ngọc Xá, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		900	900		765.000	765.000		38.250	38.250		726.750	726.750	
93	Trương Quốc Dũng	091772156	30/04/2012	Trạm QLĐT Nội Địa Đa Phúc, Xã Thuận Thành, Huyện Phố Yên, Thái Nguyên			Viet Nam		3.500	3.500		2.975.000	2.975.000		148.750	148.750		2.826.250	2.826.250	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
94	Trương Văn Trường	125515537	29/06/2009	Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		935.000	935.000		46.750	46.750		888.250	888.250	
95	Trần Anh Đức	121928920	04/05/2012	Thôn Hối, Xã Phồn Xương, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		400	400		340.000	340.000		17.000	17.000		323.000	323.000	
96	Trần Danh Hoàng	125530216	05/09/2009	Bảo Ngọc, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		7.300	7.300		6.205.000	6.205.000		310.250	310.250		5.894.750	5.894.750	Loại 2 CLK :0 - LK:4500
97	Trần Danh Hùng	125052880	20/05/2013	Số nhà 16 Phố Vũ, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		900	900		765.000	765.000		38.250	38.250		726.750	726.750	
98	Trần Hữu Nhất	125217916	27/08/2008	Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.000	1.000		850.000	850.000		42.500	42.500		807.500	807.500	
99	Trần Như Nam	125094032	26/04/2012	Xã Bồng Lai - Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		935.000	935.000		46.750	46.750		888.250	888.250	
100	Trần Quốc Tuấn	121600869	24/03/2003	Cty CP Quản lý Bảo trì ĐTNĐ Số 4 Đường Huyền Quang, P. Đại Phúc, TP B			Viet Nam		2.800	2.800		2.380.000	2.380.000		119.000	119.000		2.261.000	2.261.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
101	Trần Thị Kiều	145197035	08/09/2010	Số 168 Đường Thiên Đức, Phường Vệ An, TP Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		255.000	255.000		12.750	12.750		242.250	242.250	
102	Trần Thị Thoan	162200889	04/08/2008	Số 3 Đường Võ Cường 21, Khu Hòa Đình, Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh			Viet Nam		3.000	3.000		2.550.000	2.550.000		127.500	127.500		2.422.500	2.422.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
103	Trần Văn Cường	125314470	12/04/2005	Thôn Xuân Bình - Xã Đại Xuân - Huyện Quế Võ - Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		800	800		680.000	680.000		34.000	34.000		646.000	646.000	
104	Trần Văn Thuật	163184722	20/08/2009	Bái Hạ, Nghĩa An, Nghĩa Trục, Nam Định			Viet Nam		100	100		85.000	85.000		4.250	4.250		80.750	80.750	
105	Trần Văn Trường	162573589	21/08/2012	Nghĩa An, Nam Trục, Nam Định			Viet Nam		1.600	1.600		1.360.000	1.360.000		68.000	68.000		1.292.000	1.292.000	
106	Trần Văn Ôn	125197402	06/09/2002	Số 30, đường Nguyễn Văn Siêu - Phường Đại Phúc - TP Bắc Ninh			Viet Nam		44.700	44.700		37.995.000	37.995.000		1.899.750	1.899.750		36.095.250	36.095.250	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
107	Trần Đức Nghĩa	125034468	21/05/2013	Trác Ổ, Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		3.000	3.000		2.550.000	2.550.000		127.500	127.500		2.422.500	2.422.500	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
108	Trần Đức Thụy	125558274	20/04/2010	Số 29 ngõ 4 - Phố Hoàng Quốc Việt - P. Đông Ngàn - TX Từ Sơn - Tỉnh Bắ			Viet Nam		7.300	7.300		6.205.000	6.205.000		310.250	310.250		5.894.750	5.894.750	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
109	Trịnh Văn Mạn	125366939	18/07/2006	Đại Xuân, Quế Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		3.500	3.500		2.975.000	2.975.000		148.750	148.750		2.826.250	2.826.250	
110	Trịnh Đình Kiêm	125583666	10/06/2010	Số 35 Phố Vũ Tuyền Hoàng, Thị trấn Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		40.100	40.100		34.085.000	34.085.000		1.704.250	1.704.250		32.380.750	32.380.750	Loại 2 CLK :0 - LK:5000
111	Trịnh Đình Sớm	125039410	30/05/2013	Lập Ái, Xã Song Giang, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		400	400		340.000	340.000		17.000	17.000		323.000	323.000	
112	Tô Vũ Tuấn	080371571	08/04/2016	Phường Tân Giang, TP Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng			Viet Nam		1.400	1.400		1.190.000	1.190.000		59.500	59.500		1.130.500	1.130.500	
113	Tạ Quang Huy	121828288	16/09/2005	Xã Nham Sơn, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang			Viet Nam		100	100		85.000	85.000		4.250	4.250		80.750	80.750	
114	Vũ Như Lập	125362499	06/07/2006	Số 10 ngõ 2 Phố Vũ, Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		4.400	4.400		3.740.000	3.740.000		187.000	187.000		3.553.000	3.553.000	Loại 2 CLK :0 - LK:2000
115	Vũ Thế Công	125430165	20/12/2007	Mai Cường, Cách Bì, Quế Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		200	200		170.000	170.000		8.500	8.500		161.500	161.500	

STT	Họ Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng CK năm giữ			Số tiền cổ tức trước thuế			Thuế thu nhập cá nhân			Số tiền cổ tức sau thuế			Ghi chú
								Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	Chưa LK	Đã LK	Cộng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
116	Vũ Thế Thương	125498895	25/03/2009	Mai Cương, Cách Bi, Quế Võ, Bắc Ninh			Viet Nam		6.200	6.200		5.270.000	5.270.000		263.500	263.500		5.006.500	5.006.500	Loại 2 CLK :0 - LK:4000
117	Vũ Viết Hùng	125500109	16/04/2009	Xã Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.700	1.700		1.445.000	1.445.000		72.250	72.250		1.372.750	1.372.750	
118	Vũ Văn Mạnh	125151859	26/04/2012	Thôn Kiều Lương, Xã Đức Long, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		600	600		510.000	510.000		25.500	25.500		484.500	484.500	
119	Vũ Xuân Trường	125685219	19/04/2012	Đường Đào Tấn - Khu Bỏ Sơn - Phường Võ Cường - TP Bắc Ninh			Viet Nam		1.200	1.200		1.020.000	1.020.000		51.000	51.000		969.000	969.000	
120	Đình Thái Duy	113493517	29/11/2014	Thôn An Ninh - Xã Ngũ Lão - Huyện Lạc Thủy - Tỉnh Hòa Bình			Viet Nam		100	100		85.000	85.000		4.250	4.250		80.750	80.750	
121	Đình Thị Đào	201446075	27/03/2008	Đường Lê Hồng Phong, Phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh			Viet Nam		300	300		255.000	255.000		12.750	12.750		242.250	242.250	
122	Đỗ Hữu Hiền	125099338	23/05/2013	Khu Vạn Phúc, Đường Vạn An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			Viet Nam		1.100	1.100		935.000	935.000		46.750	46.750		888.250	888.250	
123	Đỗ Thị Kim Tuyền	125555366	19/01/2010	CTCP Quản lý Bảo trì ĐTNĐ số 4 - đường Huyền Quang - P Đại Phúc - Bắ			Viet Nam		2.200	2.200		1.870.000	1.870.000		93.500	93.500		1.776.500	1.776.500	
Cộng Cá nhân									487.200	487.200		414.120.000	414.120.000		20.706.000	20.706.000		393.414.000	393.414.000	
b. Tổ chức																				
124	Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Việt Nhật	0101842820	03/06/2014	Số 18 - Ngõ 251 Phường Kim Mã - Quận Ba Đình - TP Hà Nội		0437262616	Viet Nam	81.200		81.200	69.020.000		69.020.000				69.020.000		69.020.000	Loại 2 CLK :81200 - LK:0
125	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC - CÔNG TY TNHH	0101992921	05/05/2016	Số 117 Trần Duy Hưng, P Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Viet Nam	591.600		591.600	502.860.000		502.860.000				502.860.000		502.860.000	
Cộng Tổ chức								672.800		672.800	571.880.000		571.880.000				571.880.000		571.880.000	
CỘNG TRONG NƯỚC								672.800	487.200	1.160.000	571.880.000	414.120.000	986.000.000		20.706.000	20.706.000	571.880.000	393.414.000	965.294.000	
Tổng cộng								672.800	487.200	1.160.000	571.880.000	414.120.000	986.000.000		20.706.000	20.706.000	571.880.000	393.414.000	965.294.000	

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Người lập

Nguyễn Văn Thắng

Trưởng phòng ĐKCK

Võ Thanh Tuấn

KT. Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hà